

VŨ THANH BÀNG*

ĐẶC ĐIỂM VÀ XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI CỦA TÍN NGƯỠNG THÀNH HOÀNG TRONG CỘNG ĐỒNG CƯ DÂN VEN BIỂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Tóm tắt: Lịch sử hình thành và phát triển các cộng đồng cư dân ven biển Việt Nam gắn liền với lịch sử di dân và phát triển lãnh thổ về phía Nam. Quá trình nhận thức, thích ứng với biển đã kiến tạo nên đặc trưng văn hóa vùng ven biển và hải đảo so với các vùng miền khác trên cả nước. Trong điều kiện sinh thái biển, các cộng đồng cư dân ven biển Việt Nam, một mặt, duy trì các tín ngưỡng đã có, mặt khác, kiến tạo thêm nhiều lớp thần linh biển, cùng hệ thống nghi lễ, lễ hội, diễn xướng đặc thù. Tính phổ quát của tín ngưỡng Thành hoàng ở vùng ven biển là minh chứng quan trọng cho lịch sử “hướng ra biển” của nhiều thế hệ cư dân, là dấu ấn của làng Việt trên không gian sinh thái ven biển, hơn nữa còn là những “cột mốc tâm linh” đánh dấu chủ quyền lãnh hải đất nước. Trên cơ sở tiếp cận Tôn giáo học và phân vùng văn hóa, bài viết tập trung phân tích các đặc điểm tín ngưỡng Thành hoàng trong cộng đồng cư dân ven biển Việt Nam trên các phương diện: đối tượng thiêng, cơ sở thờ tự, nghi lễ, lễ hội; từ đó chỉ ra một số xu hướng biến đổi của tín ngưỡng này trong bối cảnh hiện nay. Bài viết sử dụng tư liệu của các học giả đi trước và tài liệu khảo sát thực tế tại một số địa phương thuộc các tỉnh/thành phố: Quảng Ninh, Đà Nẵng, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bạc Liêu và Cà Mau trong thời gian từ năm 2022 - 2023.

Từ khóa: Tín ngưỡng Thành hoàng, thờ cúng, ven biển, Việt Nam.

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Bài viết là một phần sản phẩm của đề tài khoa học cấp Bộ “Bảo tồn, phát huy giá trị tín ngưỡng dân gian của cộng đồng cư dân ven biển Việt Nam” do TS. Vũ Thị Thu Hà làm chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Tôn giáo - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam chủ trì.

Ngày nhận bài: 15/01/2024; Ngày biên tập: 16/01/2024; Duyệt đăng: 23/01/2024.

Dẫn nhập

Là quốc gia có lợi thế về biển với trên 3260 km đường biển thuộc 28 tỉnh thành, Việt Nam có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội gắn với biển, đồng thời cũng gặp không ít khó khăn, thách thức trong ứng phó với thiên tai và bảo vệ chủ quyền biển đảo. Quá trình nhận thức, thích ứng với biển của các cộng đồng cư dân đã kiến tạo nên đặc trưng văn hóa vùng ven biển và hải đảo so với các vùng miền khác trên cả nước. Từ góc độ tín ngưỡng dân gian, những di dân ven biển một mặt có xu hướng bảo lưu phong tục thờ cúng vốn có của mình, mặt khác không ngừng kiến tạo hệ thống thần linh biển cùng các nghi lễ, diễn xướng và nhiều kiêng kỵ liên quan. Đối với họ, tín ngưỡng dân gian không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh, sinh hoạt văn hóa nghệ thuật mà còn mang lại sự cố kết, là sức mạnh tinh thần lớn lao nâng đỡ cả cộng đồng trong cuộc mưu sinh và phát triển gắn với điều kiện tự nhiên sinh thái biển.

Nghiên cứu về biển đảo là chủ đề hấp dẫn thu hút sự quan tâm của đông đảo học giả. Đáng chú ý, những nghiên cứu phác thảo diện mạo và đặc trưng văn hóa, kinh tế - xã hội của các cộng đồng cư dân ven biển từ Bắc tới Nam ở Việt Nam đều đề cập đến mối liên hệ giữa yếu tố sinh thái, đặc điểm nghề nghiệp với văn hóa, tín ngưỡng. Trong đó, yếu tố biển thể hiện rõ ở tâm thức tôn giáo, tín ngưỡng, hệ thống thần linh, không gian thiêng và thực hành thờ cúng của các cộng đồng cư dân ven biển [Ngô Đức Thịnh (chủ biên), 2000; Nguyễn Duy Thiệu, 2020; Trần Hồng Liên, 2004; Lê Thị Thu Hiền, 2021...]. Mặt khác, với các đặc điểm riêng về địa lý, địa chất, tập quán sinh sống, yếu tố tộc người, dải ven biển ở nước ta thường được chia thành: vùng ven biển Bắc Bộ, vùng ven biển Trung Bộ (bao gồm Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ) và vùng ven biển Nam Bộ. Tính tiếp biến trong tâm thức biển gắn liền với lịch sử di dân, đặc điểm sinh thái và phong tục tập quán ở mỗi vùng miền, địa phương đã hình thành những điểm tương đồng và khác biệt trong thực hành tín ngưỡng ở các cộng đồng cư dân ven biển [Ngô Đức Thịnh, 2003; Nguyễn Thanh Lợi, 2014; Trần Thị An, 2015...].

Đối với tín ngưỡng Thành hoàng, sự hiện diện của các không gian thiêng (đình, miếu, dinh...) ở ven biển cùng nghi lễ, lễ hội liên quan vừa là minh chứng quan trọng cho lịch sử vươn khơi bám biển, kiến

tạo văn hóa của nhiều thể hệ cư dân vùng ven biển, vừa khẳng định ý chí dân tộc trong bảo vệ chủ quyền biên giới biển đảo [Nguyễn Văn Kim, 2023: 59]. Nếu như ở Bắc Bộ tín ngưỡng Thành hoàng mang tính nổi trội, có ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống của cộng đồng làng ven biển, thì càng xuôi về vùng ven biển ở phía Nam tín ngưỡng này lại có phần “mờ nhạt” trước ảnh hưởng mạnh mẽ của các loại hình tín ngưỡng biển như thờ cá Ông, thờ âm hồn/ Cô Bác, thờ nữ thần/ mẫu thần biển, ... [Ngô Đức Thịnh, 2000; Nguyễn Thanh Lợi, 2014; Phan Thị Yến Tuyết, 2014; Trương Thu Trang, 2017; Lê Thị Thu Hiền, 2021...]. Nghiên cứu đặc điểm của tín ngưỡng Thành hoàng vùng ven biển sẽ cho thấy sức sống, sự tiếp biến, quá trình dịch chuyển vai trò của tín ngưỡng này trong đời sống văn hóa của cộng đồng làng Việt gắn với công cuộc di dân, khai canh, lấn biển ở mỗi vùng miền.

Bài viết này, trên cơ sở nghiên cứu của các học giả đi trước, cùng tư liệu khảo sát ở một số địa phương ven biển (thuộc các tỉnh/ thành phố: Quảng Ninh, Đà Nẵng, Bình Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bạc Liêu và Cà Mau) trong thời gian từ năm 2022 – 2023 sẽ tập trung làm rõ đặc điểm và xu hướng biến đổi của tín ngưỡng Thành hoàng trong cộng đồng cư dân ven biển ở Việt Nam hiện nay.

1. Khái quát về cộng đồng cư dân ven biển ở Việt Nam

Lịch sử di cư ở Việt Nam cho thấy, từ khoảng sau thế kỷ X - XIX, bên cạnh các luồng nhập cư từ bên ngoài vào, thì hình thức di cư lan tỏa địa bàn sống trên bề mặt lãnh thổ và di cư về phía Nam diễn ra mạnh mẽ. Bên cạnh nhiều cộng đồng làng xã được hình thành trong quá trình khai hoang, lấn biển ở các đồng bằng ven biển phía Bắc; thì nhiều nhóm di dân cũng đã xây dựng, ổn định thiết chế cộng đồng của mình theo chủ trương mở rộng bờ cõi, phát triển đất nước về phía Nam (gồm nội đồng và ven biển) của nhà cầm quyền [Đặng Thu, 2014: 34, 46]. Theo Trần Minh Hằng, cộng đồng cư dân ven biển và hải đảo ở Việt Nam là “các nhóm cư dân sinh sống bằng nhiều loại hình nghề nghiệp khác nhau, được hình thành và phát triển qua nhiều giai đoạn khác nhau gắn liền với quá trình thích ứng các điều kiện sinh thái vùng ven biển và quá trình giao lưu tộc người với các đặc điểm văn hóa và tôn giáo đa dạng” [Trần Minh Hằng, 2022: 115].

Thực tế cho thấy, các nhóm di dân người Việt khi đến khu vực ven biển nước ta đã sớm tụ cư, xây dựng tổ chức xã hội của mình. Mô

hình tổ chức làng Việt Bắc Bộ ở cổ hương được họ tái thiết. Dù có thay đổi cho phù hợp với điều kiện mới, song về cơ bản, các làng này vẫn là một đơn vị kinh tế - xã hội, liên kết các thành viên trong mối quan hệ huyết thống (các dòng họ) và láng giềng (cùng cư trú trên vùng đất mới), cộng cảm và cộng mệnh (chung tâm thức và tập tục thờ cúng). Đồng thời, do đặc thù hoạt động sinh kế (khai thác, đánh bắt, nuôi trồng hải sản...), nhóm ngư dân ven biển còn tập hợp, xây dựng thiết chế xã hội nghề nghiệp của mình, hình thành các vựa chài. Truyền thống lịch sử, phương thức ứng xử với biển của mỗi cộng đồng cư dân ven biển là cơ sở cấu thành yếu tố văn hóa biển theo vùng miền, địa phương. Nhóm tác giả Ngô Đức Thịnh cho rằng người Việt ven biển gồm hai bộ phận: một là người Việt cư trú ven biển từ Móng Cái tới Nghệ - Tĩnh với văn hóa biển không đậm nét, bộc lộ sự kết hợp giữa nông nghiệp và ngư nghiệp; hai là người Việt cư trú từ ven biển Nghệ Tĩnh trở vào Nam với truyền thống văn hóa biển đậm nét hơn [Ngô Đức Thịnh, chủ biên, 2000: 23-24].

Với tâm thức đa thần/ phiếm thần, cộng đồng cư dân ven biển Việt Nam có sự đa dạng, hòa hợp trong thực hành tôn giáo, tín ngưỡng. Không chỉ thực hành nhiều loại hình tín ngưỡng (thờ cá Ông, thờ âm hồn/ Cô bác, thờ Nữ thần/ Mẫu thần biển, thờ Thành hoàng...), họ còn tham gia sinh hoạt của các tôn giáo (Phật giáo, đạo Cao Đài, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam...). Trong đó, Thành hoàng, ngôi đình, nghi thức tế tự, lễ hội làng là trọng tâm của đời sống tinh thần làng xã, biểu trưng của tính chính thống theo quan niệm Nho giáo và tính cố kết cộng đồng. Đây cũng chính là yếu tố khiến cho “hệ thống tín ngưỡng từ quan niệm cho đến thực hành theo Nho giáo trong cộng đồng ngư dân cũng không khác biệt nhiều so với các cộng đồng cư dân trong nội đồng” [Nguyễn Duy Thiệu, 2022: 372].

Trong điều kiện sống nhiều thách thức, môi trường biển nhiều hiểm nguy, sinh hoạt tín ngưỡng phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan của các cộng đồng cư dân ven biển theo đặc điểm tổ chức xã hội ở từng vùng miền. Càng đi vào Nam, làng Việt ven biển theo mô thức Nho giáo lại có xu hướng suy giảm ảnh hưởng so với thiết chế vựa chài. Ở mỗi vùng, sự hình thành, phát triển, chiếm thế hay tương giao của hai loại hình tổ chức xã hội này cũng đồng thời thể hiện qua đặc điểm của tín ngưỡng Thành hoàng.

Ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, quá trình di cư ra biển diễn ra sớm hơn là tiền đề cho sự xuất hiện nhiều ngôi làng ven biển có niên đại từ sớm. Tín ngưỡng Thành hoàng vì thế vẫn giữ vai trò quan trọng trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng. Như trường hợp làng Trà Cỏ (Móng Cái, Quảng Ninh) có lịch sử từ thời nhà Lê gắn với truyền thuyết “Người Trà Cỏ, tổ Đồ Sơn”. Tương truyền, 12 gia đình quê ở Đồ Sơn (thuộc xã Trà Phương và xã Cỏ Trai, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng) trong quá trình vượt ra biển đánh bắt đã dừng chân ở Trà Cỏ. Về sau, sáu gia đình quyết tâm ở lại, họ trở thành những tổ tiên đầu tiên của vùng đất Trà Cỏ. Ngôi đình Trà Cỏ vì thế xuất hiện từ sớm, đáp ứng nhu cầu của người dân từ khi lập làng. Tuy nhiên, kiến trúc và tư liệu lịch sử cho thấy, ngôi đình hiện tại có niên đại vào khoảng thế kỷ XVII. Trong khi, các ngôi đình lân cận như đình Bình Ngọc, đình Tràng Vĩ, đình Đông Thịnh lại có niên đại muộn hơn, phản ánh quá trình phân tách thôn làng và phát triển của tín ngưỡng Thành hoàng tại vùng đất địa đầu tổ quốc này.

Ở Nam Trung Bộ, cư dân ở đây chủ yếu là người Việt ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ di dân đến, vốn có nguồn gốc nông dân, chưa từng gắn bó với biển. Theo Nguyễn Đăng Vũ, cộng đồng cư dân ven biển Quảng Ngãi là các lớp di dân theo nhiều đợt: lần thứ nhất diễn ra vào đầu thế kỷ XV khi Hồ Hán Thương chọn cư dân không có ruộng đất ở vùng Thanh - Nghệ vào quân ngũ, rồi đưa vợ con của họ theo sau để ổn định; lần thứ hai diễn ra dưới thời Lê Thánh Tông với chính sách khuyến khích dân chúng di cư vào vùng đất mới; và các cuộc di dân từ thời chúa Nguyễn về sau. Quá trình thích ứng với biển, cộng cư với người Chăm, chung sống với người Hoa, cùng chính sách nhay bén của nhà nước phong kiến đã hình thành “truyền thống biển” hay “cái nhìn ra biển” của các cộng đồng này [Nguyễn Đăng Vũ, 2010: 56 – 58]. Tương tự như vậy, phần lớn cư dân ven biển Quảng Nam có nguồn gốc từ Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Nghệ An, một số nhỏ từ Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên di cư đến, đông nhất vào thế kỷ XV – XVI. Họ đã không ngừng thích ứng “để vùng đất miền biển trở thành nơi cư trú ổn định” [Tôn Thất Hương, 2016: 204]. Ở Đà Nẵng, chủ nhân đầu tiên ở vùng ven biển là người Sa Huỳnh và người Chăm. Sự hiện diện của người Việt ở Đà Nẵng được ghi nhận từ đầu thế kỷ XIV, sớm nhất là làng Đà Sơn do Tiền hiền tộc Phan

khai phá (Liên Chiêu). Về sau, các lớp cư dân Việt dần đến an trú, lập nên các làng ven biển. Họ tìm cách thích nghi với biển thông qua hoạt động kinh tế hỗn hợp, đa nghề [Lê Thị Thu Hiền, 2021: 37-38]. Đối diện với thiên nhiên khắc nghiệt, những cư dân Việt đầu tiên lập làng/ lập ấp ở ven biển Nam Trung Bộ đã không tránh khỏi tâm thức “sợ” và “kính” [Nguyễn Duy Hình, 1996: 336, 401]. Một mặt, họ duy trì các tín ngưỡng ở quê gốc - dựng đình (miếu) để thờ Thành hoàng và dựng chùa để thờ Phật; mặt khác, họ tiếp nhận văn hóa, tín ngưỡng của cư dân tiền trú và sáng tạo huyền thoại, nghi lễ cho các vị thần biển mới, tiêu biểu là thờ cá Ông và thờ nữ/ Mẫu thần biển, thờ âm linh/ Cô bác...

Ở Nam Bộ, nhóm cư dân người Việt đến cư trú ở Nam Bộ muộn hơn nhưng vẫn giữ tâm thức tôn giáo truyền thống của người Việt. Các ngôi đình hay cơ sở thờ Thành hoàng khác (miếu, dinh...) được xây dựng tại các làng/ ấp mới. Nghi lễ thờ Thành hoàng được cộng đồng thực hiện theo chu kỳ, có quy mô phụ thuộc vào điều kiện của từng địa phương. Sự tồn tại của tín ngưỡng Thành hoàng ở Nam Bộ thể hiện nhu cầu chính thống từ phía nhà nước phong kiến và mong muốn được nhận bảo trợ tâm linh từ phía cả cộng đồng. Có thể nói, tín ngưỡng Thành hoàng có sự lan tỏa trên toàn lãnh thổ Việt Nam và luôn giữ vị trí nhất định trong đời sống tín ngưỡng của người nông dân Việt. Ở vùng ven biển Nam Bộ, tín ngưỡng Thành hoàng vẫn được duy trì, tuy nhiên, có phần mờ nhạt trong tâm thức dân gian, ở một số nơi đã tích hợp vào không gian thờ thần biển.

2. Đặc điểm tín ngưỡng Thành hoàng trong cộng đồng cư dân ven biển ở Việt Nam

Tín ngưỡng Thành hoàng với các thiết chế về hệ thống thần linh, cơ sở thờ cúng (ngôi đình, miếu, dinh, cung...), nghi lễ, lễ hội gắn liền với lịch sử ra đời và phát triển của làng Việt ở vùng Bắc Bộ. Cùng với diễn trình mở mang đất nước, mô thức làng Việt theo những di dân được nối dài ở Trung Bộ và Nam Bộ, từ trong nội đồng vươn ra phía biển. Tín ngưỡng Thành hoàng vì thế cũng không ngừng phát triển cùng với sự gia tăng của những ngôi làng mới lập. Do đặc điểm tổ chức xã hội ở vùng ven biển Việt Nam (làng, vạ chài), tín ngưỡng Thành hoàng bên cạnh các điểm chung, còn thể hiện những khác biệt

theo vùng miền, trên các phương diện: đối tượng thiêng, cơ sở thờ tự, nghi lễ, lễ hội. Cụ thể như sau:

2.1. Về đối tượng thiêng

Sự hình thành thần điện Thành hoàng làng ở Việt Nam diễn ra lâu dài, gắn liền với quá trình khai phá đồng bằng và xây dựng công xã nông thôn của người Việt. Từ phía dân làng “thần Thành hoàng là biểu hiện của lịch sử, phong tục, đạo đức, pháp lệ cùng hy vọng chung của cả làng, lại cũng là một thứ quyền uy siêu việt, một lối liên lạc vô hình, khiến cho hương thôn là một đoàn thể có tổ chức và hệ thống chặt chẽ” [Đào Duy Anh, 2002: 248]. Đối với triều đình, “Thành hoàng làng trở thành quan chức triều đình, một đại vương thay mặt vua trấn giữ địa phương được phân phong đúng như chế độ phân phong công thần của chế độ phong kiến” [Nguyễn Duy Hinh, 1996: 375]. Xuất phát từ tâm thức “Bản cảnh nào, Thành hoàng ấy”, có thể khái quát hệ thống Thành hoàng làng ven biển ở Việt Nam ở các điểm:

Thứ nhất, Thành hoàng ở vùng ven biển mang tính đa dạng: trên cơ sở “thiên hóa các loài vật từ biển và các nhân vật lịch sử”, tín ngưỡng của cư dân ven biển tập trung vào: thờ thần tự nhiên và thờ nhân thần [Nguyễn Chí Bền, chủ biên, 2019: 215]. Tuy nhiên, vốn bắt nguồn từ bách thần dân gian nên trên thực tế, các làng ven biển Việt Nam thờ nhiều đối tượng thiêng làm Thành hoàng, gồm nhiên thần và nhân thần; anh hùng dân tộc và nhân vật có xuất xứ ngoại lai; các vị có danh xưng, tiểu sử rõ ràng và các vị có tên gọi phiếm chỉ... Sự đa dạng này có thể thấy rõ trong thần điện Thành hoàng ở đình làng Giang Võng (Hạ Long, Quảng Ninh), bao gồm: các nhiên thần (Đức vua Cao Sơn Thượng Đẳng thần; Đức vua Quý Minh, Đức vua Hà Bá Thủy Phủ; Quan cụ Ráng Hà; các vị nhân thần có công đánh giặc bảo vệ dân làng (Đức Thánh Trần Hưng Đạo đại vương; Đức ông Đông Hải Đại Vương – Đức Ông Cửa Suốt – Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng; Đức Ông Lục Đầu Giang – Hưng Vũ Vương Trần Quốc Nghiễn); đồng thời còn phối thờ cụ tổ của bảy dòng họ tiên khởi. Vốn gắn bó với nghề chài lưới, tổ tiên làng Giang Võng tin rằng muốn đánh bắt được nhiều tôm cá phải thờ Đức vua Thủy Phủ, muốn đi lại bình an phải thờ các Đức Ông (các nhân thần hiển thánh giữ cửa sông, cửa biển, bảo vệ quê hương đất nước)¹.

Thành hoàng là các thủy thần và hải thần (thần tự nhiên) chiếm ưu thế gắn với điều kiện tự nhiên của các làng ven biển như: thần Đông Hải Đại Vương, Nam Hải Đại Vương được thờ phổ biến ở ven biển Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ; Thủy Long Thần Nữ được thờ phổ biến ở Nam Bộ. Bên cạnh đó, theo tâm thức của di dân đến vùng đất ven biển, các vị Thành hoàng ở cố hương lại tiếp tục được cư dân thờ tại đình/miếu. Đáng chú ý có các ngôi đình: Trà Cổ, Bình Ngọc, Trảng Vĩ, Đông Thịnh (Móng Cái, Quảng Ninh) đều thờ các vị Tiên Công là Thành hoàng. Bao gồm: (1) Linh Ứng Quảng Trạch Đại vương tôn thần; (2) Dực Bảo Trung Hưng Linh Phù Nhân Minh Đại vương tôn thần; (3) Tú Nghi Dực Bảo Trung Hưng Ngọc Sơn Trấn Hải Đại vương tôn thần (Thần trấn ải cửa biển); (4) Dực Bảo Trung Hưng Linh Phù Huyền quốc Lã Thái Úy Đại vương tôn thần (Thái Úy Lý Thường Kiệt); (5) Sung Tuệ Trưng Tĩnh Viên Tĩnh Đoan Túc, Dực Bảo Trung Hưng Không Lộ (Không Lộ) Giác Hải Đại vương tôn thần (Giác Hải); (6) Thuần Chính Dực Bảo Trung Hưng Linh Phù Bạch Điểm Tước Đại vương tôn thần. Trong đó, Điểm Tước vốn là Thành hoàng từ quê cũ ở Đồ Sơn (Hải Phòng). Hay thần Độc Cước cũng theo di dân đến bảo hộ, trấn ải vùng cửa biển, bảo vệ người đi biển, là Thành hoàng của nhiều ngôi làng ven biển thuộc các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An...

Thứ hai, Thành hoàng ở vùng ven biển là các vị thần biển, bảo trợ ngư dân: từ trong nội đồng, các cư dân ven biển vốn chưa quen với môi trường sóng to gió lớn, việc nương nhờ vào các vị thần biển để được bảo trợ là nhu cầu tất yếu. Đông Hải Đại Vương là vị thần biển được phụng thờ làm Thành hoàng phổ biến ở nhiều làng ven biển (Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình...). Từ chỗ là danh xưng chỉ vị thần biển Đông, trải qua quá trình thần tích hóa đã hóa thân vào hai nhân vật lịch sử Việt Nam là Đoàn Thượng và Nguyễn Phục [Nguyễn Minh Tường, 2013: 101]. Thậm chí có ý kiến còn nhận định đây là dấu chỉ của “tín ngưỡng thờ cá voi đã bị chồng lên một lớp văn hóa thờ nhân vật lịch sử Đoàn Thượng” tại Đông Bắc nói chung và ven biển Bắc Bộ nói riêng [Nguyễn Chí Bền, chủ biên, 2019: 259]. Bên cạnh đó, Nam Hải Đại Vương lại được thần tích hóa trong nhân vật Phạm Tử Nghi là Thành hoàng được thờ ở quận Lê Chân, Hải Phòng. Tứ Vị Thánh Nương hay Đại Càn Quốc gia Nam Hải là đối tượng được thờ

phổ biến ở nhiều làng ven biển từ Bắc tới Nam, mà trung tâm của tín ngưỡng này ở Đền Cờn (Nghệ An). Dù có nhiều truyền thuyết khác nhau, nhưng trong tâm thức của cư dân ven biển, Tứ Vị Thánh Nương có mối liên hệ với Tổng Hậu và các công chúa nhà Nam Tống, nổi tiếng hiển linh giúp cho nghề cá và thuyền bè đi lại. Thờ Tứ vị Thánh Nương có sự lan tỏa nhanh chóng, phản ánh mối giao thoa tộc người và vùng miền theo các dòng di dân. Ngoài được thờ ở đình Thắng Nhì và Thắng Tam (thành phố Vũng Tàu), ở Hà Tiên (Phước Quốc, Kiên Giang), Tứ Vị Thánh Nương còn được thờ với tính chất tổ nghề chài lưới tại Đồ Sơn, Hải Phòng. Ngoài ra, việc phối thờ Thiên Y A Na (nữ thần Pô Nagara của người Chăm) trong một số ngôi đình ở Nha Trang (Khánh Hòa) cũng phản ánh mối quan hệ Việt – Chăm trong lịch sử [Nguyễn Duy Hinh, 1996: 298].

Thành hoàng là các vị tổ nghề biển, gắn với sinh kế của cộng đồng: nhiều nhân vật có công dạy dân làm công cụ, kỹ thuật đánh bắt, làm tàu thuyền, khai thác tài nguyên biển... được thờ làm Thành hoàng. Việc thờ phụng này xuất phát từ lòng biết ơn, mong cầu ngành nghề phát triển của cư dân ven biển. Tiêu biểu như trường hợp đình và miếu làng Xuân thờ Đông Đạo là vị tổ đã chế tác chiếc bánh lái của thuyền đánh cá và dạy người dân nghề đánh cá; miếu làng Trúc Lĩnh thờ ông Trúc Lĩnh dạy dân nghề làm muối (Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh) [Đặng Thị Thúy Hằng, 2017: 142-143]; đình làng Bò Khê, Thanh Trạch (Quảng Bình) thờ ông Nguyễn Ký (người Đàng Ngoài) - người đã dạy dân nghề đóng thuyền đánh cá [Lại Thị Hương, 2015: 68-69]; làng Thai Dương (Thừa Thiên Huế) thờ Trương Quý Công/ Trương Thiều (gốc Thanh Hóa) do có công dạy dân nghề đánh cá và buôn bán ghe mành...

Thứ ba, Thành hoàng ở ven biển có mối liên hệ chặt chẽ với Tiên hiền, Hậu hiền: có thể nói, tín ngưỡng thờ Tiên hiền/ Tiên công ở ven biển Việt Nam có mối liên hệ chặt chẽ với tín ngưỡng thờ Thành hoàng do yếu tố di dân. Những cư dân đầu tiên đến vùng ven biển vừa là tổ tiên dòng họ, vừa là tổ tiên của cộng đồng. Sự thờ phụng này mang tính linh hoạt, có trường hợp Tiên hiền trở thành Thành hoàng làng; còn lại đa số được phối thờ trong đình làng.

Thành hoàng là các vị tiên hiền, người có công khai phá, bảo vệ cư dân ven biển hoặc hiển linh tại các vùng biển, tiêu biểu như Trần Khánh Dư được thờ làm Thành hoàng ở Quan Lạn (Quảng Ninh) gắn

với chiến công trên mảnh đất Vân Đồn (Quảng Ninh); Phi Vận Tướng Quân tôn thần (Nguyễn Phục) là vị quan quê gốc ở Hải Dương, đã từng đi xứ, đánh giặc Chiêm Thành, bị tử nạn và hiển linh trên biển nên được thờ phụng làm vị thần trấn yên cửa biển, bảo vệ ngư dân (Tư Hiền, Đà Nẵng). Thờ Phi Vận Tướng Quân còn được lan tỏa tới Nam Bộ, được dân làng Thắng Nhì (Bà Rịa – Vũng Tàu) thờ làm Thành hoàng ở đình [Huỳnh Ngọc Trảng, 2018 : 80 – 81]... Bên cạnh đó, nhiều nhân thần được nhân hóa trở thành các vị Thánh, trấn ải vùng cửa biển, được cộng đồng ven biển thờ làm thần bảo hộ như: Trần Quốc Nghiễn với danh xưng Đức Ông Lục Đầu Giang, Đông Hải Đại Vương được thờ ở Cửa Vạn, Giang Võng, Trúc Võng (Quảng Ninh); Trần Quốc Tảng với danh xưng Đức Ông Cửa Suốt ... [Nguyễn Chí Bền, chủ biên, 2019: 258-266].

Tiền hiền được phối thờ cùng với Thành hoàng làng: thờ Thành hoàng và Tiền hiền là một chỉnh thể tâm linh của cộng đồng làng Việt ở Trung Bộ và Nam Bộ. Tiền hiền luôn được các dòng họ chăm nom phụng thờ, được phối thờ cùng với Thành hoàng trong các ngôi đình thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn” và mối liên hệ chặt chẽ giữa huyết thống và cộng đồng. Trường hợp như ở đình Mỹ Khê có phối thờ tổ tiên các dòng họ đã khai phá, lập làng, gồm các họ: Đàm, Nguyễn, Hồ, Huỳnh, Đinh, Trần, Lê, Dương, Võ (Sơn Trà, Đà Nẵng). Ở ven biển Bắc Bộ, hiện tượng thờ Nguyễn Công Trứ là Thành hoàng ở ven biển Kim Sơn (Ninh Bình) cũng mang tính chất vị Tiền hiền có công khai mở vùng đất mới...

Thứ tư, nhiều vị Thành hoàng làng ven biển mang tính phiếm chỉ: tín ngưỡng Thành hoàng Bắc Bộ theo di dân người Việt vào Nam vẫn được duy trì, là thiết chế văn hóa tinh thần của cộng đồng làng mạc. Tuy nhiên, vị Thành hoàng làng đã không giữ được tính uy quyền, quan phương như tại quê gốc. Khi “mơ hồ” nhận thức về vùng lãnh thổ mới, người Việt đã mặc nhiên công nhận vị thần cai quản lãnh địa của làng, với danh xưng “Bổn cảnh Thành hoàng”, “Bổn thổ Thành hoàng”, “Bổn xứ Thành hoàng”. Vì thế, Nguyễn Xuân Hương cho rằng tại Quảng Nam – Đà Nẵng “Vị thế Thành hoàng ngang bằng với Thổ thần/ thổ địa” không chỉ ở danh xưng mà còn ở tần số “xuất hiện của thần” trong lễ thức của gia đình và làng xã. Có thể, đó là sản phẩm của sự kết hợp giữa tính chất và chức năng của thần Thổ địa với niềm

tin truyền thống “Đất có Thổ Công, Sông có Hà Bá” [Nguyễn Xuân Hương, 2009: 38]. Lý giải tâm thức tôn giáo của ngư dân miền Trung, Trần Đình Hằng nhấn mạnh thêm: miền Trung được xem như điểm nối giữa văn hóa hai miền Bắc – Nam, ở đó yếu tố biển đã tạo sự khác biệt căn bản giữa “Ông Thành hoàng” với “Bà mẹ xứ sở” [Trần Đình Hằng, 2019: 123].

2.2. Về cơ sở thờ tự

Đặc điểm về cơ sở thờ tự Thành hoàng của các cộng đồng cư dân ven biển có thể khái quát ở các mặt: tên gọi, phân bố, niên đại, quy mô kiến trúc và chức năng.

Thứ nhất, về tên gọi và phân bố: cơ sở thờ tự Thành hoàng của các cộng đồng cư dân ven biển ở Việt Nam được định danh bằng các tên gọi: đình, miếu, nghè, dinh, cung... có quy mô, kiến trúc khác nhau. Bên cạnh các cơ sở có kiến trúc độc lập, Thành hoàng còn được thờ trong cơ sở thuộc cụm di tích; có trường hợp được tích hợp/ phối thờ trong những ngôi miếu hoặc ban thờ tại không gian tín ngưỡng khác, nổi bật là tại các lăng/ miếu thờ cá Ông (ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ). Các cơ sở tín ngưỡng này phản ánh sự tồn tại lâu dài cũng như vai trò, vị trí của tín ngưỡng Thành hoàng trong đời sống tín ngưỡng của cư dân ven biển Việt Nam.

Trải dọc ven biển ở Việt Nam, không khó để thấy sự hiện diện dày đặc của các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo; trong đó, không gian thờ Thành hoàng chiếm số lượng không nhỏ, đặc biệt ở Bắc Bộ và Trung Bộ. Tùy theo ngôi làng có quy mô “nhất làng nhất thôn” hay “nhất làng nhiều thôn” mà cơ sở thờ tự Thành hoàng giữa các địa phương có sự khác nhau. Đồng thời, có xu hướng giảm số lượng theo chiều từ Bắc vào Nam. Quảng Ninh là tỉnh ở Bắc Bộ có số lượng di tích ven biển dày đặc, với 160 cơ sở tín ngưỡng (Quảng Yên có 47 cơ sở, Hạ Long có 44 cơ sở, Móng Cái có 23 cơ sở, Vân Đồn có 18 cơ sở, Cẩm Phả có 09 cơ sở, Đầm Hà có 08 cơ sở, Hải Hà có 07 cơ sở, Cô Tô có 04 cơ sở)... Trong đó, đa số là các ngôi đình, miếu, nghè ven biển thờ Thành hoàng làng [Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Ninh, 2020:1]. Trong khi, ở tỉnh Bạc Liêu (ven biển Nam Bộ), Trương Thu Trang đã thống kê được có 16 cơ sở tín ngưỡng, gồm: 08 cơ sở thờ Mẫu/ Nữ thần, 02 cơ sở thờ cúng cá Ông và 06 cơ sở thờ Phật. Tác giả cho rằng việc phụng thờ Thành hoàng vẫn tồn tại, thậm chí còn xuất hiện trong

khu dân cư người Hoa sinh sống (cạnh miếu Bà Thiên Hậu) nhưng chỉ “là nơi họ cầu phúc, vừa để cảm ơn các vị thần”, còn các loại hình tôn giáo, tín ngưỡng đặc trưng của cư dân ven biển Bạc Liêu cơ bản gồm có: Quán Âm Nam Hải, Thiên Hậu, Cá Ông và thần biển [Trương Thu Trang, 2017: 93; 100, 146].

Thứ hai, về niên đại hình thành: cùng với sự hình thành các ngôi làng, sự mở rộng không gian cư trú của cộng đồng; các cơ sở thờ Thành hoàng làng được xây dựng, trùng tu theo niên đại sớm muộn khác nhau. Với lịch sử cư trú lâu dài, các ngôi làng ven biển Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có niên đại sớm hơn, cộng đồng tín ngưỡng Thành hoàng thường có sự trùng khớp với cộng đồng làng xã/ hoặc cộng đồng thôn xã. Đình làng Trà Cổ (Móng Cái, Quảng Ninh) hiện vẫn lưu giữ được kiến trúc của ngôi đình cổ đầu thế kỷ XVII, là một ngôi đình cổ tiêu biểu ở ven biển Bắc Bộ. Đối với các ngôi đình ở Đà Nẵng, dù được phỏng đoán xuất hiện dưới thời chúa Nguyễn, nhưng các tư liệu lịch sử còn lại cho thấy, ngôi đình xuất hiện sớm nhất từ khoảng giữa thế kỷ XIX về sau, như: đình Phước Thuận, đình Dương Lâm, đình Bồ Bản, đình Phong Lệ Bắc... [Đỗ Tấn Tuấn chủ biên, 2012: 15, 18]. Trong khi đó, các ngôi đình ở Nam Bộ có niên đại muộn nhất, chủ yếu vào khoảng thế kỷ XIX- XX. Nếu như các ngôi đình ở nội đồng Nam Bộ vẫn giữ được không gian, kiến trúc độc lập, thì tại các khu vực ven biển, cơ sở thờ Thành hoàng thường bị tích hợp trong không gian tín ngưỡng khác, như trường hợp miếu Thành hoàng ở Lăng Ông Sông Đốc (Cà Mau); miếu Thành hoàng ở cụm di tích Nhà Mát (Bạc Liêu)... Điều này thể hiện, sự suy giảm vị thế của Thành hoàng so với các vị thần biển trong cộng đồng cư dân ven biển tại đây.

Thứ ba, về quy mô, kiến trúc: phổ biến và quan trọng nhất là ngôi đình. Trong lịch sử, ngôi đình là “Trung tâm bất di bất dịch và cũng là sinh động nhất của tình đoàn kết làng xã là cái đình. Mỗi làng có một cái đình là trung tâm sinh hoạt tập thể của cộng đồng, là nơi đặt bàn thờ vị thần che chở cho làng” [Nguyễn Văn Huyền, 2016 :109]. Ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, kết cấu cơ bản của ngôi đình thường gồm có nghi môn (lối cổng vào đình), hai bên sân đình với dãy nhà tả mạc và hữu mạc là nơi hội họp và sắp xếp lễ vật, chuẩn bị tế tự của dân làng; ngôi đình chính - phổ biến là kết cấu chữ đinh (丁), chữ công (工), chữ nhị (二), chia thành đại đình và hậu cung đặt hương án và bài vị

thờ Thành hoàng, ngoài ra có phối thờ các vị thần khác. Ở một số ngôi đình còn có bức bình phong ở sau cổng vào; nhà tiền tế trước tòa đại đình; giếng đình hay ao/ hồ tạo nên khuôn viên, cảnh quan hài hòa. Mỗi ngôi đình còn được trang trí, điêu khắc, vẽ tranh... theo lịch sử và văn hóa của từng địa phương. Trong khi đó, ở Nam Trung Bộ, các ngôi đình/ miếu thờ Thành hoàng có quy mô mặt bằng đơn giản. Bình đồ kiến trúc chỉ gồm tòa đại đình, hoặc có chính điện và hậu cung theo cấu trúc chữ chữ đinh (丁) là chủ yếu. Một số cơ sở có thêm nhà võ ca hoặc công trình phối thờ khác. Như đình Thanh Khê (Đà Nẵng) có kết cấu ba gian hai chái, quay về hướng Đông Bắc, tọa lạc nguyên tại vị trí ban đầu, ngay lối vào là bức bình phong, sau là ban thờ âm linh, thần Nông, Thổ địa.

Miếu/ nghè là không gian thờ Thành hoàng có quy mô nhỏ hơn ngôi đình. Ở một số địa phương nơi thờ phụng Thành hoàng còn gọi là nghè như: nghè Cẩm Hải, nghè Quan Lạn, nghè Bí Giàng (Quảng Ninh), hoặc gọi là đình Thành hoàng (Phú Quốc, Kiên Giang). Trường hợp đặc biệt, không gian thờ phụng Thành hoàng ở Tân Long (La Gi, Bình Thuận) còn gọi là cung. Thực chất đây là một gian thờ, trong có hương án thờ Thành hoàng, nằm trong khuôn viên vạn Tân Long (thờ Cá Ông và Tiên hiền). Ở một số địa phương, mô thức thờ Thành hoàng ở đình – miếu/ nghè vẫn được duy trì, phản ánh nhận thức về lịch sử, nguồn gốc vị thần Thành hoàng được thờ như: đình – nghè Cẩm Hải (Cẩm Phả, Quảng Ninh); miếu – đình Bình Ngọc (Móng Cái, Quảng Ninh); miếu – đình Nam Thọ (Đà Nẵng)...

Việc phối thờ Thành hoàng và Tiên hiền/ Hậu hiền mang tính phổ biến từ Trung Bộ trở vào Nam. Vì vậy, bên cạnh việc tích hợp thờ Tiên hiền, Hậu hiền ở ban tả hữu trong đình làng, thì các cơ sở thờ Tiên hiền ở Đà Nẵng còn thường được bố trí trong khuôn viên ngôi đình như ở cụm di tích đình - nhà thờ Chư phái tộc Hải Châu (Đà Nẵng). Trường hợp đình Nam Thọ (Đà Nẵng) là ngôi đình có niên đại sớm (năm 1690), ngoài thờ Thành hoàng bốn xứ còn phối thờ hai vị tiên hiền và 12 vị hậu hiền, hiện nay vẫn còn có hai ngôi mộ Tiên hiền (của ông Trương Công Bặc và Nguyễn Hữu Chờ) ở khuôn viên phía sau.

Thứ tư, về mặt chức năng: nếu như ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ tính chất “thần chủ” của các Thành hoàng ở ven biển vẫn được duy trì; ngôi đình là trung tâm tín ngưỡng của cộng đồng, quy tụ sự tham gia

của toàn bộ người dân; thì tại các cơ sở tín ngưỡng thờ Thành hoàng ở ven biển Nam Trung Bộ và Nam Bộ, Thành hoàng dần có sự “san sẻ” vị thế với các thần linh khác; không gian thiêng thờ Thành hoàng thể hiện rõ tính tích hợp – mang tính “hội đồng”, mà nhiều khi Thành hoàng chỉ đóng vai trò được phối thờ. Điều này có thể thấy rõ trong nhận định về tín ngưỡng Thành hoàng ở Đàng Trong của Tạ Chí Đại Trường: “hơi hướng nhân thần hóa” mang tính chất “ý niệm về thần hơn bản thân một ông thần cụ thể” nên ngôi đình cũng nặng về chức năng thờ tự, thực hành nghi lễ hơn là một không gian chính trị. Tính chất tập trung, gộp các thần ở đình – đền để tế chung là cơ sở để đình Nam Bộ mang tính “thể tục phồn tạp” khi công thương phát triển [Tạ Chí Đại Trường, 2014: 240 – 241].

2.3. Nghi lễ, lễ hội thờ cúng Thành hoàng

Nghi lễ, lễ hội thờ Thành hoàng diễn ra trong không gian thiêng (đình, miếu, nghè...), được tổ chức bởi cộng đồng cư dân ven biển; có sự phân công vai trò nhiệm vụ giữa các ban, bộ phận và sự tham gia của đông đảo dân làng. Có thể khái quát đặc điểm nghi lễ, lễ hội thờ Thành hoàng ở ven biển Việt Nam ở hai điểm chính là tính quy chuẩn, quan phương và tính địa phương, vùng miền.

Thứ nhất, nghi lễ, lễ hội thờ Thành hoàng ở ven biển mang tính quy chuẩn, quan phương: quá trình thể chế hóa thờ cúng Thành hoàng ở Việt Nam đã diễn ra từ sớm gắn liền với quá trình chuyển hóa công năng của ngôi đình – từ đình trạm sang đình thờ thần. Sự chuyển biến từ đình trạm, đình tư nhân (đình thờ Phật) cho tới ngôi đình của làng xã (thờ Thành hoàng) kéo dài từ giai đoạn thế kỉ XI – XV đã phản ánh “sự phát triển một cơ cấu thần linh làng xã, tạo ra một tâm lý ý thức riêng biệt của xã hội Việt Nam còn lưu giữ đến gần đây, và ngay cả bây giờ ở miền Bắc” [Tạ Chí Đại Trường, 2014: 167]. Tuy nhiên, quy chế về miếu thờ Thành hoàng và nghi thức thờ cúng Thành hoàng trong cả nước chỉ thực sự được diễn chế cụ thể dưới triều Nguyễn. Sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* có chép: Gia Long năm thứ 8 (1809) dựng miếu thờ Thành hoàng ở Kinh đô, đặt năm án phụ thờ Thành hoàng trực tỉnh ở hai bên tả hữu; lễ chính sử dụng tam sinh (trâu, lợn, dê); tế hai kỳ vào mùa xuân và mùa thu mỗi năm. Đến năm Thiệu Trị thứ nhất (1941), phân tách việc thờ Thành hoàng ở miếu hội đồng trực tỉnh, lệnh cho các trực tỉnh/ địa phương dựng một tòa miếu

riêng để thờ; tế hai kỳ vào mùa xuân và mùa thu mỗi năm, dùng nhị sinh (một con bò, một con lợn) và một mâm xôi, hai mâm quả phẩm; nghi lễ do một viên binh lính hoặc một viên quản vệ khâm mạng làm lễ [Nội các Triều Nguyễn (Viện Sử học dịch), 1993: 508-509]. Dưới triều Nguyễn, tế Thành hoàng là lễ tế quan trọng nhất của làng xã. Lễ này thường bao gồm phần nghi thức long trọng (tế lễ) và phần hội với trò chơi, trò diễn, nhiều nơi còn có tục hèm – “người ta bày một trò để nhắc lại tính tình sự nghiệp hoặc sinh bình của vị thần làng thờ” [Đào Duy Anh, 2002: 248-250]. Về thời gian, nghi lễ, lễ hội thờ Thành hoàng thường tuân theo chu kỳ nông vụ, lấy tiết lịch “xuân, thu nhị kỳ”, lễ thượng điền – hạ điền, sóc vọng (ngày rằm, mồng một), ngày chạp...; cũng có nơi lấy ngày/ sự kiện liên quan đến vị Thành hoàng để tổ chức.

Cũng như trong nội đồng, tín ngưỡng Thành hoàng ở ven biển cũng lấy “đại sự lệ”/ “lễ nhập tịch” là nghi lễ lớn nhất trong năm. Lễ này thường diễn ra vào ngày giỗ, ngày kỉ niệm của Thành hoàng hoặc vào hai kỳ xuân - thu hằng năm. Công tác chuẩn bị nghi lễ diễn ra từ sớm, bao gồm phân công công việc, chuẩn bị tế phẩm, diễn tập... Ban tế nam, thay mặt toàn dân cầu xin Thành hoàng phù hộ cho dân làng sức khỏe, mùa màng tươi tốt, gửi gắm cả khát vọng về việc đánh bắt, ra khơi được thuận lợi. Quy định về thời gian, quy trình tế tự, nghi thức liên quan, tế phẩm, diễn xướng, hoạt động văn nghệ, giải trí... phụ thuộc vào phong tục của từng địa phương. Trong đó, yếu tố thiêng tập trung mạnh ở phần lễ với nghi thức: lễ cáo yết, lễ tế chính và lễ tế tạ. Sự kết hợp yếu tố thiêng - phàm trong các hoạt động phân hội gồm: đám rước, trò diễn và trò chơi dân gian đã góp phần tăng cường tinh thần đoàn kết cho toàn thể cộng đồng.

Thứ hai, tính địa phương, vùng miền trong nghi lễ, lễ hội thờ Thành hoàng ven biển: các nghi thức tế tự Thành hoàng của cộng đồng cư dân ven biển mang tính quy chuẩn thường được thực hiện tại cơ sở thờ cúng; trong khi các nghi thức mang yếu tố văn hóa, tín ngưỡng biển lại chủ yếu diễn ra ở không gian bên ngoài, hướng ra biển, như: lễ rước nước/ cúng tế thủy thần ở biển; hội bơi chải (Thái Thụy, Thái Bình), hội đua thuyền (Tràng Vĩ, Móng Cái, Quảng Ninh), hội chọi trâu (Đồ Sơn, Hải Phòng).... Trong nhiều trường hợp, các yếu tố nông – ngư nghiệp cũng thể hiện đan xen trong lễ hội Thành

hoàng, như trường hợp lễ thi Ông Voi ở đình Trà Cỏ, gắn với vùng văn hóa Đồ Sơn, Kiến Thụy, Quan Lạn...

Ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ, do tính chất phối thờ rất đa dạng, nên nghi lễ ở đình/ miếu thờ Thành hoàng ven biển ngoài lễ cầu an, còn có các lễ liên quan đến Tiên hiền hoặc các vị thần được phối thờ. Ở làng Nam Thọ, ngoài lễ cầu an vào ngày 12/6 (âm lịch) cũng chính là ngày kỷ niệm lập làng, còn có lễ giỗ Tiên hiền vào ngày 02/8 (âm lịch); ở làng Mỹ Khê (Đà Nẵng), ngoài lễ cầu an vào ngày 16/6 (âm lịch) thì còn có lễ cúng tất niên vào ngày 25/12 (âm lịch), lễ minh xuân (từ đêm Giao thừa đến lúc hạ nêu vào ngày 9 tháng Giêng), lễ xuân thu (ngày 24 tháng Giêng) là ngày lễ ra quân của mọi ngành nghề (chủ yếu là nghề biển, nhưng thu hút đông đảo người dân tham gia); ngày tưởng nhớ anh hùng liệt sĩ vào ngày 10/3 (âm lịch); đặc biệt, đình làng Mân Quang và Mân Thái (Đà Nẵng) còn là nơi diễn ra nghi thức tổng ôn hằng năm.

Ở Nam Bộ, tại các ngôi đình, thờ cúng Thành hoàng tuân thủ theo lễ cầu an và các lễ tiết khác trong năm. Tuy nhiên, ở ven biển, các di tích thờ Thành hoàng chủ yếu được tích hợp trong không gian thờ thần biển, vì thế nghi lễ thờ Thành hoàng gắn với hoạt động nghi lễ của di tích, với tính chất một vị thần được phối hưởng. Trong lễ hội Nghinh Ông Sông Đốc, Thành hoàng trở thành vị thần phối hưởng, được xướng tên trong văn tế cá Ông tại làng.

Về lễ phẩm, lễ phẩm phổ biến dâng tế Thành hoàng ở vùng ven biển vẫn bao gồm: hoa quả, heo, gà và trà, rượu... Dựa trên nguồn kinh phí do cộng đồng đóng góp. Điểm đáng chú ý là, mặc dù lễ hiến sinh hiếm còn được thực hiện trực tiếp nhưng dâng cúng heo sống vẫn được duy trì tại các làng ở miền Trung và miền Nam. Trong khi tế phẩm thờ Thành hoàng ở Bắc Bộ phổ biến lại dùng thủ lợn hoặc gà.

3. Một số xu hướng biến đổi của tín ngưỡng Thành hoàng vùng ven biển ở Việt Nam hiện nay

3.1. Xu hướng phục hồi nhanh chóng về cơ sở thờ tự và nghi lễ

Cùng với quá trình hoàn thiện chính sách pháp luật về Di sản văn hóa; về tín ngưỡng, tôn giáo, hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị vật thể và phi vật thể gắn với tín ngưỡng Thành hoàng tại các địa phương ven biển ở Việt Nam cũng được chú trọng và đạt được nhiều kết quả

khả quan. Nhiều ngôi đình ven biển đã được phục hồi như đình Trà Cỏ, đình Quan Lạn, đình Bình Ngọc (Quảng Ninh); đình Đức Thắng (Bình Thuận) ... Nhiều ngôi đình từ Bắc cho tới Nam đã được đầu tư kinh phí để tu bổ, tôn tạo và trở nên khang trang, đáp ứng nhu cầu thực hành nghi lễ của cộng đồng sở tại. Bên cạnh đó, nhiều nghi lễ, lễ hội thờ Thành hoàng được phục dựng; hoạt động lễ hội có sự phân công/ phối hợp tham gia giữa chính quyền và cộng đồng. Trong đó cộng đồng tín ngưỡng giữ vai trò chủ thể trong thực hành nghi lễ, đã thu hút được sự tham gia đông đảo người dân, khách du lịch, tiêu biểu như: lễ hội đình Trà Cỏ, lễ hội chọi trâu Đồ Sơn...

Tuy nhiên, quá trình phục hồi tín ngưỡng Thành hoàng hiện nay cũng đối mặt với sự biến đổi kiến trúc, cảnh quan sinh thái của di tích. Trường hợp các ngôi đình Đà Nẵng chủ yếu được xây dựng rải rác vào thế kỷ XX nhưng đã bị tàn phá nhanh chóng ở giai đoạn sau năm 1945 và chủ yếu được tái lập vào khoảng “mấy chục năm trở lại đây”. Những hạn chế về nhân lực và nguồn kinh phí nên các ngôi đình sau tu bổ đã không còn giữ được kiến trúc cũ mà thay thế bằng cột trụ bê tông cốt thép, tiêu biểu như đình Mân Quang [Đỗ Tấn Tuấn, 2012: 17 -18]. Trường hợp đình Giang Võng (Tp. Hạ Long, Quảng Ninh) là trung tâm thờ cúng Thành hoàng của cộng đồng cư dân làng chài thủy cơ bên sông Cửa Lục ở vịnh Hạ Long. Trước đây, đình nằm ngay sát mép nước biển, mọi nghi lễ cầu cúng hội hè đều được thực hiện trong không gian đình – kết nối với thuyền bè ngay cửa biển. Trải qua lịch sử bồi biển lâu dài, đến nay vị trí đình đã nằm sâu trong đất liền, đồng thời có sự gián đoạn về không gian thờ tự và nghi lễ do chiến tranh phá hoại, nhất là vào năm 1972 – 1973, khiến cho việc phục hồi di tích và nghi lễ gặp khó khăn, phải điều chỉnh nhiều cho phù hợp với điều kiện cảnh quan sinh thái mới².

3.2. Xu hướng mai một, suy giảm vai trò

Trong bối cảnh đô thị hóa, hiện đại hóa hiện nay, tín ngưỡng Thành hoàng ven biển đang phải đối diện với sự suy giảm về niềm tin. Các thế hệ người cao tuổi dần mất đi, trong khi đội ngũ kế cận ngày một hiếm. Thế hệ trẻ không còn tha thiết vào các nghi lễ, cúng tế ở đình/ miếu Thành hoàng, việc huy động nhân lực và kinh phí cho hoạt động thờ cúng gặp nhiều khó khăn. Trường hợp ở đình Đức Thắng (Bình Thuận): “thời gian đóng cửa từ trước năm 1986 thì mai

một nhiều. Đến nay được phục dựng lại do người dân, bà con đóng góp, nhưng chỉ có bà con cũ đi lại nhiều, chứ người mới họ chưa đậm đà. Mong muốn khôi phục lại, tạo không khí, tinh thần chung, để họ chú ý quan tâm hơn tới ngôi đình này nhưng khó khăn. Người trẻ họ không tham gia nữa. Kinh phí mỗi lần có hội chỉ hết khoảng 40 triệu, lo vật cúng hết khoảng 30 triệu... rất khó khăn. Hát võ ca, hát bộ mục đích là hát để phục vụ cho thần, sau để bà con xem để biết tích. Đó là cái kết nối giữa thần và người nhưng giờ thuê cũng rất đắt, mỗi lần 2 – 3 ngày cũng mất cả 50 – 60 triệu nên từ lâu không còn mời...” [PVS, nam, 68 tuổi, phường Đức Thắng, thành phố Phan Thiết, Bình Thuận].

Bên cạnh đó, sự suy giảm về niềm tin còn thể hiện ở sự chuyển hóa công năng của các vị thần. Nếu như tâm thức với Thành hoàng của cư dân ven biển ở Bắc Bộ được củng cố, tái lập qua thời gian trên cơ sở “thần tích hóa”, “Thánh hóa” các nhân vật lịch sử thành các vị thần biển/ thần trấn ải cửa sông, cửa biển, có công năng bảo hộ cư dân ven biển (như: Đoàn Thượng, Trần Hưng Đạo, Trần Quốc Nghiễn ...). Thì ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ, Thành hoàng có xu hướng “phiếm chỉ” hơn một vị thần bảo hộ quyền uy của cộng đồng. Cá Voi và các thần biển khác với công năng bảo hộ người đi biển, phù hộ cho mùa màng, đánh bắt bội thu đã đáp ứng nhu cầu thực tiễn, hàng ngày của cư dân... trở thành ưu tiên hàng đầu trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng vịnh/ chài. Thần Thành hoàng ở ven biển từ Nam Trung Bộ có xu hướng được thờ phụng như vị thổ thần (bản cảnh), hoặc gắn bó với tín ngưỡng Tiền hiền tạo thành một chỉnh thể. Chính vì thế, các nghiên cứu về văn hóa – xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo của cư dân ven biển Trung Bộ và Nam Bộ, thường chỉ đề cập đến các loại hình tiêu biểu, liên quan trực tiếp đến ngư nghiệp (nuôi trồng, chế biến và đánh bắt hải sản) như: tín ngưỡng thờ cá Ông, thờ âm linh/ Cô bác, thờ Nữ thần/ Mẫu thần biển... mà thiếu vắng tín ngưỡng Thành hoàng.

Có trường hợp, trong cùng một cụm di tích tín ngưỡng cộng đồng, đình Thần và Thành hoàng cũng bị áp chế bởi tính nổi trội của tín ngưỡng cá Ông và lễ hội Nghinh Ông, như tại cụm di tích đình Thần – Lăng Ông Nam Hải - miếu Bà Ngũ hành - miếu Tiền hiền ở Thắng

Tam (thành phố Vũng Tàu); cụm di tích đình Thần – Lăng Ông – Miếu Tiền hiền ở Phước Lộc (thị xã La Gi, Bình Thuận).

3.3. Xu hướng tích hợp tín ngưỡng Thành với các loại hình tín ngưỡng biển

Qua khảo sát, chúng tôi thấy được sự hiện diện của ngôi miếu Thành hoàng nhỏ bé trong khuôn viên cụm di tích miếu Bà Thủy Tề - Bà Chúa Xứ (Nhà Mát, Bạc Liêu). Vậy nhưng, vẫn là yếu tố biển nổi trội khi bài trí ban thờ tại đây đặt bộ hai bộ xương cá kiếm ở hai bên. Trường hợp khác là ở trong khuôn viên của Lăng Ông Sông Đốc, ngoài tiền sảnh, chính điện, nhà khách, nhà khói, nhà trưng bày cốt và mô hình cá Voi, các công trình phụ trợ thì còn có miếu Bà Thủy Long thần nữ ở bên tay phải và miếu Thành hoàng nằm phía bên tay phải từ cổng Lăng vào. Trong đó, miếu Thành hoàng nhỏ gọn như một miếu Thổ địa. Miếu được xây mới vào năm 2014 trên nguồn kinh phí của nhà hảo tâm. Bài văn cúng tại miếu Thành hoàng ở Lăng Ông Sông Đốc được dán trên tường ghi rõ: “Tiền nhân lập nghiệp bằng phi vạn lý, hậu vệ khai cơ kiến thiết Miếu. Kính cẩn dân hương trước Miếu đình, nguyện Thần Hoàng bốn cảnh thiên linh, phong điều vũ thuận tăng kinh tế, quốc thái dân an cảnh thái bình, tiền văn khai hoang bao thế kỷ, hậu hiền lập nghiệp lắm công trình, chánh hội anh em gìn văn hóa, kỳ yên cũng Miếu rất đẹp tình. Nam Mô A Di Đà Phật! (3 lần)”³. Hơn nữa, đối với người dân địa phương, thần Thành hoàng còn mang chức năng ông thần Tài: “Miếu ông Thành hoàng nho nhỏ. Ông Thần hoàng cũng lại là ông thần Tiền (Thần Tài). Tại vì hồi đó, mấy ông kia kiệu cái tượng đó nên như thế. Ngày tết người dân xóm này, ngư dân hay đến đây cúng ông thần Tiền. Họ cúng mặn không cúng chay, mà có gà, thịt heo...” [PVS., nam, 59 tuổi, Lăng Ông Sông Đốc, Cà Mau].

Bên cạnh đó, xu hướng giản lược nghi lễ do thiếu nhân lực và tiết kiệm kinh phí, nghi thức thờ Thành hoàng cũng bị giản lược, một số làng ven biển đã sát nhập tín ngưỡng Thành hoàng vào các lễ tiết trong phạm vi Lăng Ông, kéo theo lược bỏ các lễ thức liên quan đến Thành hoàng như lễ rước sắc, rước kiệu... (làng Phước Lộc, thị xã La Gi, Bình Thuận).

Kết luận

Thờ cúng Thành hoàng là một hình thái tín ngưỡng trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng cư dân ven biển ở Việt Nam. Hình thành trên cơ sở làng Việt, gắn liền với lịch sử di dân và quá trình Nam tiến, thờ Thành hoàng ven biển khẳng định sức sống bền bỉ, cùng sự biến đổi vị thế của làng Việt trong tổ chức xã hội của các cộng đồng cư dân ven biển dưới chi phối của lịch sử di dân và các điều kiện sinh thái biển ở Việt Nam.

Đối diện với môi trường biển có nhiều hiểm nguy, bất trắc, tâm thức của cư dân ven biển không chỉ kiếm tìm sự bảo hộ từ “đất liền” mà còn mong muốn được che chở, phù trợ ngay trên các ngư trường, lúc khai thác, đánh bắt, nuôi trồng hải sản. Vì thế, Thành hoàng làng vốn là vị thần bảo hộ của cộng đồng đã được cư dân ven biển gán thêm các chức năng mới, gắn liền với biển. Theo hướng “gắn kết vị thần tự nhiên với nhân vật lịch sử - điểm nhìn về biển Đông” với việc “quan phương hóa các vị thần bằng cách gắn kết họ vào nhân vật lịch sử” [Trần Thị An, 2015: 3-14], nhiều Thành hoàng là nhân thần đã mang chức năng của vị thần biển. Đồng thời, các vị Thành hoàng ven biển với sự đa dạng về nguồn gốc phản ánh tâm thức đa thần của cư dân ven biển. Tín ngưỡng Thành hoàng đã đáp ứng nhu cầu tâm linh, gắn kết cộng đồng ven biển, tạo môi trường trao truyền các giá trị văn hóa biển ở Việt Nam.

Từ những nhóm cư dân đầu tiên (Tiền hiền) khai hoang trên vùng đất mới mà nhiều cộng đồng làng xã ven biển được hình thành, phân bố rộng khắp với sự đa dạng về nguồn gốc và thành phần. Tín ngưỡng Thành hoàng đã phản ánh sự hình thành, chuyển biến các thiết chế xã hội của các cộng đồng cư dân ven biển. Trong đó, mối liên hệ giữa làng Việt và làng vạn có sự chuyển biến theo chiều tăng dần vai trò của làng vạn ở phía Nam, do yếu tố biển nổi trội và tiếp biến, giao lưu văn hóa mạnh mẽ giữa các tộc người: Việt - Chăm - Hoa...

Mặt khác, trong bối cảnh đô thị hóa, hiện đại hóa hiện nay, sự thay đổi cơ cấu lao động và việc làm trong cộng đồng; các chính sách quy hoạch đô thị, thu hồi đất ven biển cho phát triển kinh tế, du lịch đã đẩy nhiều cộng đồng ngư dân tiến vào đất liền, dần xa biển. Các tổ chức nghề nghiệp, cộng đồng làng mạc bị phá vỡ... khiến cho tín ngưỡng Thành hoàng bị mai một, suy giảm./.

CHÚ THÍCH:

¹ Tài liệu khảo sát tại Quảng Ninh vào tháng 8/2022.

² Sở Văn hóa và Thể thao Quảng Ninh (2015), *Lý lịch di tích đình Giang Vồng, phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh*, Tài liệu lưu tại địa phương.

³ Tài liệu khảo sát tại Lăng Ông Sông Đốc, thị trấn Sông Đốc, tỉnh Cà Mau vào tháng 3/2023.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị An (2015), “Bản sắc Nam Bộ qua tục thờ nữ thần – nghiên cứu trường hợp tục thờ Bà Thủy”, Tạp chí *Nghiên cứu Khoa học*, Đại học Văn hiến, số 8.
2. Trần Thị An (2015), “Thích ứng với biển của người Việt – nhìn từ khía cạnh sinh kế và tín ngưỡng thờ thần biển của cư dân ven biển (Khảo sát từ một số cộng đồng ngư dân ven biển Bắc Trung Bộ, Việt Nam)”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 6.
3. Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
4. Nguyễn Chí Bền (chủ biên, 2019), *Văn hóa biển đảo Việt Nam: Tổng quan văn hóa biển đảo Việt Nam*, Tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Trần Đình Hằng (2010), “Thành hoàng làng Việt vùng Huế và trường hợp Thanh Phước”, in trong: Nguyễn Quang Trung Tiên – Nishimura Masanari (2010), *Văn hóa – lịch sử Huế qua góc nhìn làng xã phụ cận và quan hệ với bên ngoài*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
6. Trần Đình Hằng (2019), “Thế ứng xử của người Việt miền Trung từ biển: sợ biển – phương thức chế ngự và bài học hôm nay”, in trong: Viện Nghiên cứu Văn hóa (2019), *Văn hóa biển miền Trung trong xã hội đương đại*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
7. Trần Minh Hằng (2022), “Nghiên cứu về mối quan hệ nhóm tộc người – tôn giáo của cộng đồng cư dân ven biển và hải đảo ở Việt Nam”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 6.
8. Đặng Thị Thúy Hằng (2017), “Văn hóa truyền thống của cư dân vùng Cửa Nhượng – Cẩm Nhượng, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh từ góc độ tín ngưỡng”, in trong: Vũ Quang Dũng (tuyển chọn), (2017), *Văn hóa biển đảo Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa dân gian*, Tập 2, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
9. Lê Thị Thu Hiền, Đinh Như Hoài (2021), “Xã hội hóa hoạt động bảo tồn tín ngưỡng cư dân ven biển Nam Trung Bộ”, Tạp chí *Khoa học Xã hội miền Trung*, số 3 (71).
10. Nguyễn Duy Hình (1996), *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

11. Nguyễn Văn Huyền (2016), *Văn minh Việt Nam*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
12. Nguyễn Xuân Hương (2009), *Tín ngưỡng cư dân ven biển Quảng Nam – Đà Nẵng*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
13. Tôn Thất Hương (2016), “Quá trình hình thành cư dân và sự phát triển văn hóa miền biển ở vùng Nam Trung Bộ (Dựa trên nghiên cứu tại Quảng Nam)”, trong Kỷ yếu hội thảo khoa học *Di sản văn hóa biển trong phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung* do Trường Đại học Quảng Nam tổ chức, tại Quảng Nam, tháng 3/2016.
14. Nguyễn Văn Kim (2023), “Giá trị đặc sắc của di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật đình Trà Cổ, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh”, Tạp chí *Khoa học Đại học Hạ Long*, số 08 (2023).
15. Trần Hồng Liên (chủ biên), (2004), *Cộng đồng ngư dân Việt ở Nam Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
16. Nguyễn Thanh Lợi (2014), *Một góc nhìn về văn hóa biển*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
17. Nội các Triều Nguyễn (Viện Sử học dịch, 1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 6, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
18. Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Ninh (2020), “Bảo tồn, phát huy giá trị các tín ngưỡng gắn với tín ngưỡng dân gian của cộng đồng cư dân ven biển tỉnh Quảng Ninh”, báo cáo tham luận tọa đàm “*Bảo tồn, phát huy giá trị tín ngưỡng dân gian của cộng đồng cư dân ven biển ở Bắc bộ hiện nay*” do Viện Nghiên cứu Tôn giáo phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Ninh tổ chức tại Quảng Ninh, tháng 8/2022.
19. Nguyễn Duy Thiệu (2020), *Cộng đồng ngư dân ở Việt Nam*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
20. Ngô Đức Thịnh (chủ biên), (2000), *Văn hóa dân gian làng ven biển*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
21. Ngô Đức Thịnh (2003), *Văn hóa vùng & Phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
22. Lê Xuân Thông (2023), “Đặc điểm, vai trò của cơ sở tín ngưỡng khu vực duyên hải miền Trung”, in trong Ban Tôn giáo Chính phủ (2023), *Kỷ yếu hội thảo Các loại hình cơ sở tín ngưỡng và hoạt động của các cơ sở tín ngưỡng ở Việt Nam*, Hà Nội.
23. Đặng Thu (chủ biên), (1994), *Di dân của người Việt từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX*, Phụ san *Nghiên cứu Lịch sử*, Hà Nội.
24. Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường (2018), *Đình Nam Bộ xưa và nay*, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh.
25. Tạ Chí Đại Trường (2014), *Thần, người và đất Việt*, Nxb Tri thức, Hà Nội.

26. Hồ Tấn Tuấn (chủ biên), Lê Xuân Thông, Đinh Thị Toan (2012), *Đình làng Đà Nẵng*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
27. Nguyễn Minh Tường (2013), “Tín ngưỡng thờ thần Thành hoàng trong các làng xã Việt Nam”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 10 (71).
28. Nguyễn Đăng Vũ (2010), “Người Quảng Ngãi nhìn ra biển”, Tạp chí *Di sản văn hóa*, số 2 (31).

Abstract:

**CHARACTERISTICS AND CHANGING TRENDS
OF THE TUTELARY DEITIES BELIEF
OF THE COASTAL COMMUNITIES IN VIETNAM TODAY**

Vu Thanh Bang

Institute for Religious Studies, VASS

The history of formation and development of Vietnamese coastal communities is closely linked to the migration to the South. The awareness and adaptation to the sea have created cultural characteristics of coastal and island areas compared to other regions across the country. In marine ecological conditions, the polytheistic mindset and diversity of religious practices of Vietnamese coastal communities have been clearly shown. Beside the maintenance of traditional beliefs, these communities have also created new deities with specific ritual/festival systems and ritual performances. Coastal tutelary deities belief with its vitality and universality is an important testament to the history of ‘facing the sea’ of many residents generations, “spiritual milestones” marking the sovereignty of the sea and islands of the country. Based on the approach to religious studies and cultural zoning, this article focuses on analyzing the characteristics of the Tutelary deities belief of the Vietnamese coastal communities in terms of sacred objects, worship facilities, rituals/festivals. It also points out some changing trends of this belief in the current context. The article uses documents of previous studies and actual survey documents in some localities in Quang Ninh, Da Nang, Binh Thuan, Ba Ria-Vung Tau and Ca Mau provinces during the period from 2022 to 2023.

Keywords: Tutelary deities belief; worship; coastal; Vietnam.